

Bản án số: 112/2022/DS-ST.

Ngày: 26 - 12 - 2022.

V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Thới.

Bà Huỳnh Thị Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 456/2022/QĐST-DS ngày 02/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: Số 98, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Kim K; chức vụ: Phó Trưởng phòng khách hàng - Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh V (Giấy ủy quyền ngày 20/7/2022).

Địa chỉ chi nhánh: Số 05, đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Thanh S, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M tỉnh Bến Tre và bà Châu Thị P, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện M, tỉnh Bến Tre, ông S xin vắng mặt, bà P vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2022 cùng các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 20/9/2016 ông Mai Thanh S có vay của Ngân hàng TMCP N số tiền 20.000.000 đồng (theo hình thức phát hành Thẻ tín dụng). Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông S vi phạm là thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng theo hợp đồng đã ký kết, tính đến ngày 26/12/2022 ông S còn nợ ngân hàng tổng số tiền 116.168.438 đồng. Trong đó, nợ gốc là 17.972.521 đồng, nợ lãi 12.936.925 đồng và nợ phí (vượt hạn mức + chậm thanh toán) là 85.317.427 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông S, bà P (vợ ông S) có trách nhiệm trả tổng các khoản nợ là 116.168.438 đồng như đã nêu trên và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong phần nợ theo Thẻ tín dụng nêu trên. Đồng thời, tại phiên tòa Ngân hàng rút phần yêu cầu đối với bà Châu Thị P.

Bị đơn, ông Mai Thanh S tại biên bản lấy lời khai ngày 13/9/2022 có trình bày: Ông thừa nhận khoản nợ nêu trên và thừa nhận rằng, khoản nợ trên là của cá nhân ông, không liên quan đến vợ ông, vì ông mở Thẻ tín dụng vợ ông không hay biết gì, ông xin vắng mặt phiên tòa, bà P vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị buộc bị đơn trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Thanh S và bà Châu Thị P trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng mở Thẻ tín dụng đã ký. Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại thành phố V; căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật được xác định “*Hợp đồng vay tài sản*”. Đồng thời, bị đơn (ông S) xin xét xử vắng mặt; bà P được triệu tập hợp lệ vắng mặt không lý do, nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin rút phần khởi kiện đối với bà Châu Thị P, nên đình chỉ phần yêu cầu đối với bà P theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Đối với ngân hàng, việc ký kết hợp đồng thì ngân hàng thực hiện cho vay đúng theo quy định tại các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn, thể hiện ông Mai Thanh S có vay của Ngân hàng theo hình thức mở Thẻ tín dụng số tiền 20.000.000 đồng là sự thật (Yêu cầu phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/9/2016), khi thực hiện ông S thực hiện không đúng, tính đến ngày ngày 26/12/2022 ông S còn nợ ngân hàng tổng số tiền 116.168.438 đồng. Trong đó, nợ gốc là 17.972.521 đồng, nợ lãi 12.936.925 đồng và nợ phí (vượt hạn mức + chậm thanh toán) là 85.317.427 đồng, nên Ngân hàng kiện yêu cầu ông S trả số nợ như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh tại giai đoạn thi hành án là đúng quy định, nên được chấp nhận. Đối với bà P, tại phiên tòa Ngân hàng rút yêu cầu nên được đình chỉ theo quy định.

[3] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 26 Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị đình chỉ phần yêu cầu đối với bà P do nguyên đơn rút yêu cầu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, khi phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên có ý kiến, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt các quy định của pháp luật, vụ án được đưa ra xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N. Buộc ông Mai Thanh S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N các khoản tiền như sau:

- Tiền nợ gốc 17.972.521 đồng (*Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm hai mươi một đồng*).

- Tiền nợ lãi 12.936.925 đồng (*Mười hai triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng*).

- Tiền nợ phí (vượt hạn mức + chậm thanh toán) 85.317.427 đồng (*Tám mươi lăm triệu ba trăm mười bảy ngàn bốn trăm hai mươi bảy đồng*).

Tổng cộng bằng 116.168.438 đồng (*Một trăm mười sáu triệu một trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm ba mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 27/12/2022 ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc (theo Yêu cầu phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/9/2016).

Trường hợp Hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP N, thì lãi suất mà ông S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP N.

Đình chỉ phân yêu cầu đối với bà Châu Thị P (nguyên đơn rút yêu cầu).

2. Về án phí:

- Buộc ông Mai Thanh S nộp 5.808.500 đồng (*Năm triệu tám trăm lẻ tám ngàn năm trăm đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp 2.074.000 đồng (*Hai triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0001355 ngày 12/7/2022 được hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- CC THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng

